

SỐ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI: 113/TB-ĐG

Gia Lai, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở

Số: 18919
Ngày: 10/7/2026
huyện: ...
hồ sơ số: ...

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh, địa chỉ: Lô 20-6 đường Nguyễn Bính, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

2. Người có tài sản: Ban Quản lý xã Bình An, địa chỉ: Thôn Trường Định 2, xã Bình An, tỉnh Gia Lai.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư – Chợ Bình Hòa, Khu dân cư xã Bình Thành (Chợ Gò Cây) và các lô đất ở nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư hiện hữu trên địa bàn xã Bình An, tỉnh Gia Lai.

- Tổng số lượng lô (thửa) đất: 37 lô, tổng diện tích: 6.208,6m², tổng giá khởi điểm: **21.132.150.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, một trăm ba mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hạ tầng kỹ thuật khu đất: Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

*** Tổ chức thành 03 cuộc đấu giá:**

3.1. Cuộc đấu giá ngày 30/7/2026:

- Khu dân cư Chợ Bình Hòa: 4 lô (lô 1353(lô 2C), lô 1354 (lô 3C), lô 1356 (lô 40C), lô 1315(lô 26G), diện tích 400,0m², giá khởi điểm 1.480.000.000 đồng.

- Khu dân cư thôn Kiên Long: 4 lô (lô 1153, lô 1154, lô 1322, lô 1323), diện tích 475,0m², giá khởi điểm 2.359.000.000 đồng.

- Khu dân cư thôn Nhơn Thuận: 10 lô (từ lô số 1888 đến lô số 1897), diện tích 1.684,2m², giá khởi điểm 3.873.660.000 đồng.

(Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục I kèm theo).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh: Trong giờ hành chính từ ngày 10/7/2026 đến trước 17h00 ngày 24/7/2026.

+ Tại Hội trường UBND xã Bình An: Từ 08h00 đến trước 16h30 ngày 27/7/2026.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 10/7/2026 đến trước 16h30 ngày 27/7/2026.

- Thời gian mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 08h00 ngày 30/7/2026.



- Thời gian, địa điểm đấu giá: Từ 9h00 ngày 30/7/2026 tại Hội trường UBND xã Bình An.

3.2. Cuộc đấu giá ngày 06/8/2026:

- Khu dân cư xã Bình Thành (Chợ Gò Cây), thôn Kiên Long: 11 lô (lô 1169, từ lô 1171 đến lô 1174, từ lô 1176 đến lô 1178, lô 1184, lô 1185, lô 1201), diện tích 1.925,0m², giá khởi điểm 9.189.000.000 đồng.

- Khu dân cư thôn Kiên Ngãi: 8 lô (từ lô 1162 đến lô 1169), diện tích 1.724,4m², giá khởi điểm 4.230.490.000 đồng.

(Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục II kèm theo).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh: Trong giờ hành chính từ ngày 10/7/2026 đến trước 17h00 ngày 31/7/2026.

+ Tại Hội trường UBND xã Bình An: Từ 08h00 đến trước 16h30 ngày 03/8/2026.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 10/7/2026 đến trước 16h30 ngày 03/8/2026.

- Thời gian mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 08h00 ngày 06/8/2026.

- Thời gian, địa điểm đấu giá: Từ 9h00 ngày 06/8/2026 tại Hội trường UBND xã Bình An.

3.3. Cuộc đấu giá ngày 13/8/2026:

Các lô đất không có người đăng ký tham gia đấu giá hoặc đấu giá không thành của cuộc đấu giá ngày 06/8/2026 và ngày 13/8/2026.

(Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, bước giá của từng lô đất: Tại phụ lục I, II kèm theo).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh: Trong giờ hành chính từ ngày 10/7/2026 đến trước 17h00 ngày 07/8/2026.

+ Tại Hội trường UBND xã Bình An: Từ 08h00 đến trước 16h30 ngày 10/8/2026.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 10/7/2026 đến trước 16h30 ngày 10/8/2026.

- Thời gian mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 08h00 ngày 13/8/2026.

- Thời gian, địa điểm đấu giá: Từ 9h00 ngày 13/8/2026 tại Hội trường UBND xã Bình An.

* Đối với các lô đất không có người tham gia đấu giá hoặc đấu giá không thành sau ngày 13/8/2026, Doanh nghiệp tiếp tục nhận hồ sơ tham gia đấu giá đến 16h30 thứ 2 hàng tuần. Tổ chức cuộc đấu giá vào lúc 09h00 các ngày thứ 5 hàng tuần tại Hội trường UBND xã Bình An.

4. Thời gian xem tài sản: Từ ngày niêm yết thông báo đến ngày mở cuộc đấu giá. Địa điểm xem tài sản: Tại nơi có tài sản.

5. Nộp tiền đặt trước: 20% giá trị khởi điểm của lô đất (làm tròn số), khách hàng phải nộp riêng số tiền đặt trước theo từng lô đất quy định tại thông báo này.

- Tiền đặt trước nộp vào tài khoản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh. STK: **111002783955** tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - CN KCN Phú Tài hoặc STK: **5588166868** tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Quy Nhơn hoặc STK: **444555588** tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – CN Bình Định hoặc STK: **1246797979** tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – CN Quy Nhơn.

6. Điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Những người pháp luật không cấm đấu giá quyền sử dụng đất ở có nhu cầu đấu giá: liên hệ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh để mua Hồ sơ mời tham gia đấu giá; điền đầy đủ nội dung và ký tên trong đơn đăng ký đấu giá.

- Khách hàng tham gia đấu giá phải nộp đủ 01 bộ hồ sơ và tiền đặt trước 20% giá trị khởi điểm của lô đất (làm tròn số) và tiền mua hồ sơ trong thời gian quy định theo thông báo để tham gia đấu giá.

*** Hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ gồm:**

- 01 Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Doanh nghiệp phát hành,

- 01 thẻ CCCD/CC (bản photo),

- 01 chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ (không in nhiệt), cụ thể:

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ để đấu giá tài sản khách hàng ghi “.Họ.tên.người.đăng.ký.nộp.tiền.đặt.trước.và.tiền.hồ.sơ.đấu.giá.QSD.đất.xã.Bình.An”. Người đã nộp tiền đặt trước không được nộp thay cho người khác tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

+ Đối với trường hợp người khác nộp hoặc chuyển tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp hoặc chuyển tiền thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

- 01 phiếu trả giá vòng gián tiếp (vòng 1): phải bằng giá khởi điểm cộng với ít nhất 01 bước giá.

Tất cả các loại giấy tờ này khách hàng tự bấm chung, bỏ vào bì đựng hồ sơ đã phủ chất bảo mật do Doanh nghiệp cung cấp, dán, ký tên vào mép niêm phong bì đựng hồ sơ.

Khách hàng phải ghi đầy đủ họ và tên người đăng ký, tài sản đấu giá trên bì đựng hồ sơ, nộp vào thùng đựng hồ sơ của Doanh nghiệp đã niêm phong.

*** Lưu ý:**

Những người không được tham gia đấu giá QSD đất được quy định tại Điều 3 Nghị quyết 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ và Điều 8 Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai không nộp hồ sơ đăng ký đấu giá.



7. Hình thức đấu giá: Đấu giá từng lô đất, kết hợp bỏ phiếu gián tiếp khi nộp hồ sơ đấu giá và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá. **Phương thức đấu giá:** trả giá lên.

Giá trúng đấu giá phải cao hơn giá khởi điểm ít nhất 01 bước giá.

8. Quy định về phiếu trả giá hợp lệ; phiếu trả giá không hợp lệ:

- Những phiếu trả giá hợp lệ là phiếu ghi đầy đủ nội dung, giá khởi điểm, có số bước giá trả ít nhất bằng giá khởi điểm cộng 01 bước giá; số bước giá trả được ghi đầy đủ bằng số, bằng chữ và ký tên.

- Phiếu trả giá không hợp lệ là phiếu trả giá ghi nhỏ hơn giá khởi điểm cộng ít nhất 01 bước giá, ghi sai nội dung, nội dung ghi không đầy đủ, dùng mực đỏ, mực bút chì, không viết cùng 01 màu mực, sử dụng mực bay màu, bị gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa và không ký tên.

Các chi tiết khác vui lòng liên hệ: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh, Lô 20-6 đường Nguyễn Bính, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. ĐT: **0911292557; 0905824457** hoặc xem thông báo số 113/TB-ĐG ngày 09/7/2026 tại Ban Quản lý xã Bình An hoặc tại UBND xã Bình An hoặc trên Website: <https://daugiaquocthinh.com/>.

Nơi nhận:

- Sở Tư Pháp, Sở Tài Chính đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Cơ quan;
- Ban Quản lý xã Bình An (niêm yết);
- UBND xã Bình An (niêm yết);
- Công đấu giá tài sản Quốc gia (TB);
- Báo Thanh niên (TB);
- Niêm yết DN, lưu HS.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Quốc Thịnh



PHỤ LỤC I

Vị trí, số lô, kích thước, diện tích, giá khởi điểm các lô đất tại Khu dân cư – Chợ Bình Hòa và các lô đất ở nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư hiện hữu trên địa bàn xã Bình An, tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Thông báo số 113/TB-ĐG ngày 09/7/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h30 ngày 27/7/2026

Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 9h00 ngày 30/7/2026 tại Hội trường UBND xã Bình An

STT	Ký hiệu lô đất (Số lô - thửa)	Tên đường	Lộ giới (m)	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú	
						đ/m2	Thành tiền						
I	Khu dân cư chợ Bình Hòa					400.0		1,480,000,000	296,000,000				
1	1353 (lô 2C)	Đường Đ3	12m	4	100.0	3,700,000	370,000,000	74,000,000	100,000	12,000,000	74,100,000		
2	1354(lô 3C)	Đường Đ3	12m	4	100.0	3,700,000	370,000,000	74,000,000	100,000	12,000,000	74,100,000		
3	1356(lô 40C)	Đường Đ3	12m	4	100.0	3,700,000	370,000,000	74,000,000	100,000	12,000,000	74,100,000		
4	1315(lô 26G)	Đường Đ4	12m	4	100.0	3,700,000	370,000,000	74,000,000	100,000	12,000,000	74,100,000		
II	Các lô đất nhỏ lẻ nằm xen kẹt trong khu dân cư thôn Kiên Long					475.0		2,359,000,000	471,900,000				
5	1153	Đường Quy hoạch	18m	42	115.1	2,800,000	322,280,000	64,500,000	100,000	12,000,000	64,600,000		
6	1154	Đường Quy hoạch	18m	42	114.9	2,800,000	321,720,000	64,400,000	100,000	12,000,000	64,500,000		
7	1322	Đường QL 19B	45m	44	120.0	7,000,000	840,000,000	168,000,000	100,000	26,000,000	168,100,000		
8	1323	Đường QL 19B	45m	44	125.0	7,000,000	875,000,000	175,000,000	100,000	27,000,000	175,100,000		
III	Các lô đất nhỏ lẻ nằm xen kẹt trong khu dân cư thôn Nhơn Thuận					1,684.2		3,873,660,000	775,200,000				
9	1888	Đường Quy hoạch	16m	83	165.4	2,300,000	380,420,000	76,100,000	100,000	12,000,000	76,200,000		
10	1889	Đường Quy hoạch	16m	83	166.0	2,300,000	381,800,000	76,400,000	100,000	12,000,000	76,500,000		

STT	Ký hiệu lô đất (Số lô - thửa)	Tên đường	Lộ giới (m)	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
						đ/m ²	Thành tiền					
11	1890	Đường Quy hoạch	16m	83	166.7	2,300,000	383,410,000	76,700,000	100,000	12,000,000	76,800,000	
12	1891	Đường Quy hoạch	16m	83	167.4	2,300,000	385,020,000	77,100,000	100,000	12,000,000	77,200,000	
13	1892	Đường Quy hoạch	16m	83	168.1	2,300,000	386,630,000	77,400,000	100,000	12,000,000	77,500,000	
14	1893	Đường Quy hoạch	16m	83	168.8	2,300,000	388,240,000	77,700,000	100,000	12,000,000	77,800,000	
15	1894	Đường Quy hoạch	16m	83	169.4	2,300,000	389,620,000	78,000,000	100,000	12,000,000	78,100,000	
16	1895	Đường Quy hoạch	16m	83	170.1	2,300,000	391,230,000	78,300,000	100,000	12,000,000	78,400,000	
17	1896	Đường Quy hoạch	16m	83	170.8	2,300,000	392,840,000	78,600,000	100,000	12,000,000	78,700,000	
18	1897	Đường Quy hoạch	16m	83	171.5	2,300,000	394,450,000	78,900,000	100,000	12,000,000	79,000,000	
Tổng cộng					2,559.2		7,712,660,000	1,543,100,000				



PHỤ LỤC II

Vị trí, số lô, kích thước, diện tích, giá khởi điểm các lô đất tại Khu dân cư xã Bình Thành (Chợ Gò Cầy) và các lô đất ở nhỏ lẻ nằm xen kẽ khu dân cư hiện hữu trên địa bàn xã Bình An, tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Thông báo số 113/TB-ĐG ngày 09/7/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

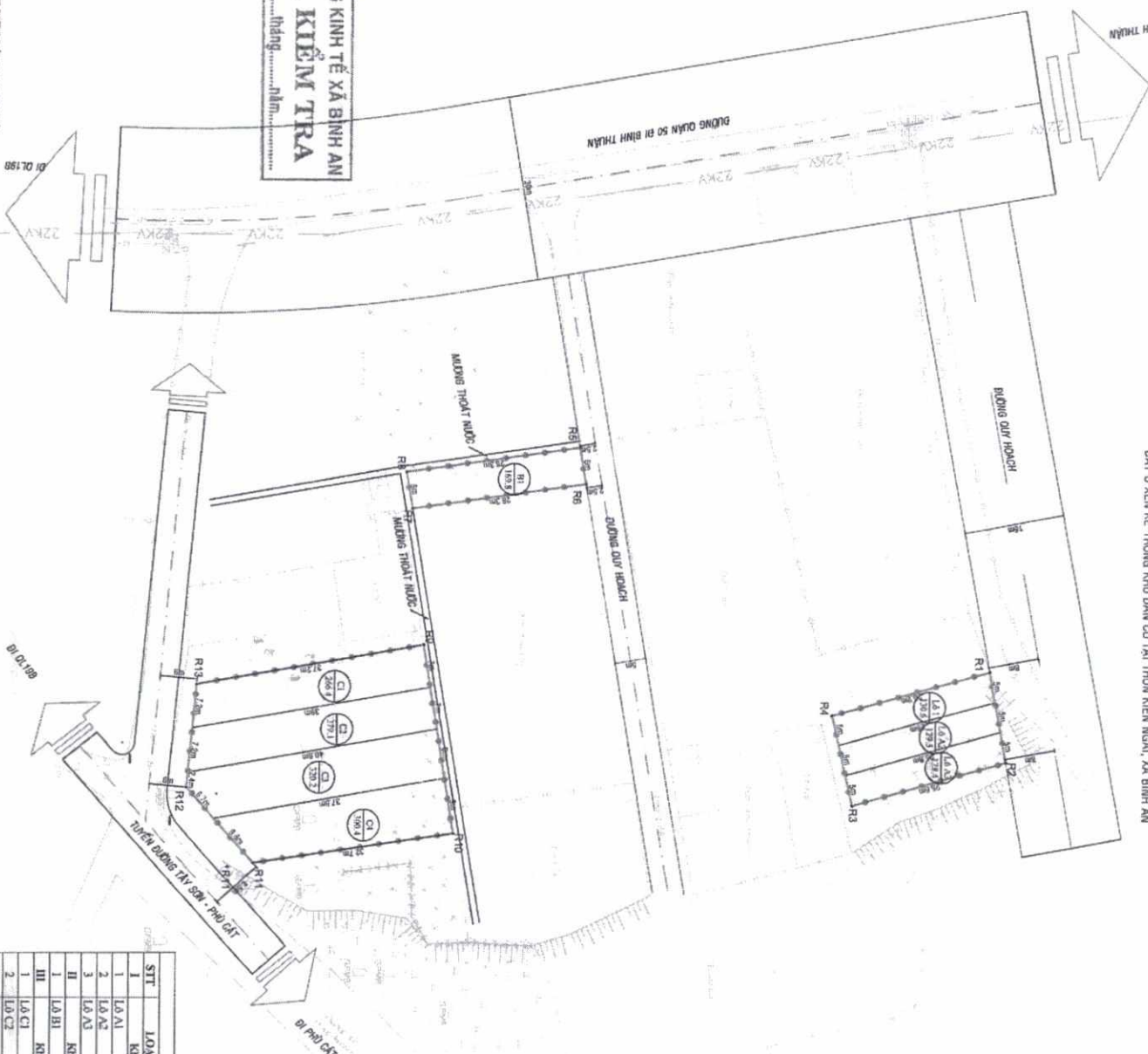
Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h30 ngày 03/8/2026

Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 9h00 ngày 06/8/2026 tại Hội trường UBND xã Bình An

STT	Ký hiệu lô đất (Số lô - thửa)	Tên đường	Lộ giới (m)	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
						đ/m2	Thành tiền				
I	Khu dân cư xã Bình Thành (chợ Gò Cầy), thôn Kiên Long				1,925.0		9,189,000,000	1,837,800,000			
1	1169	Đường Quy hoạch	22m	22	189.0	5,000,000	945,000,000	189,000,000	100,000	29,000,000	189,100,000
2	1171	Đường Quy hoạch	22m	22	189.0	5,000,000	945,000,000	189,000,000	100,000	29,000,000	189,100,000
3	1172	Đường Quy hoạch	22m	22	189.0	5,000,000	945,000,000	189,000,000	100,000	29,000,000	189,100,000
4	1173	Đường Quy hoạch	22m	22	189.0	5,000,000	945,000,000	189,000,000	100,000	29,000,000	189,100,000
5	1174	Đường Quy hoạch	22m	22	297.0	5,000,000	1,485,000,000	297,000,000	200,000	45,000,000	297,200,000
6	1176	Đường Quy hoạch	13m	22	140.0	4,500,000	630,000,000	126,000,000	100,000	19,000,000	126,100,000
7	1177	Đường Quy hoạch	13m	22	140.0	4,500,000	630,000,000	126,000,000	100,000	19,000,000	126,100,000
8	1178	Đường Quy hoạch	13m	22	140.0	4,500,000	630,000,000	126,000,000	100,000	19,000,000	126,100,000
9	1184	Đường Quy hoạch	13m	22	162.0	4,500,000	729,000,000	145,800,000	100,000	22,000,000	145,900,000
10	1185	Đường Quy hoạch	13m	22	140.0	4,500,000	630,000,000	126,000,000	100,000	19,000,000	126,100,000

STT	Ký hiệu lô đất (Số lô - thửa)	Tên đường	Lộ giới (m)	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đầu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
						đ/m ²	Thành tiền				
11	1201	Đường Quy hoạch	13m	22	150.0	4,500,000	675,000,000	135,000,000	100,000	21,000,000	135,100,000
III	Các lô đất nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư thôn Kiên Ngãi				1,724.4		4,230,490,000	846,600,000			
12	1162	Đường Quy hoạch (đường đất)	16m	35	130.6	1,800,000	235,080,000	47,100,000	100,000	10,000,000	47,200,000
13	1163	Đường Quy hoạch (đường đất)	16m	35	129.5	1,800,000	233,100,000	46,700,000	100,000	10,000,000	46,800,000
14	1164	Đường Quy hoạch (đường đất)	16m	35	128.4	1,800,000	231,120,000	46,300,000	100,000	10,000,000	46,400,000
15	1165	Đường Quy hoạch	5m	35	169.8	1,800,000	305,640,000	61,200,000	100,000	12,000,000	61,300,000
16	1166	Đường Quy hoạch	12m	35	266.4	2,500,000	666,000,000	133,200,000	100,000	20,000,000	133,300,000
17	1167	Đường Quy hoạch	12m	35	279.1	2,500,000	697,750,000	139,600,000	100,000	21,000,000	139,700,000
18	1168	Đường Quy hoạch	17m	35	320.2	3,000,000	960,600,000	192,200,000	100,000	29,000,000	192,300,000
19	1169	Đường Quy hoạch	17m	35	300.4	3,000,000	901,200,000	180,300,000	100,000	28,000,000	180,400,000
Tổng cộng					3,649.4		13,419,490,000	2,684,400,000			

BẢN VẼ PHẠM LỘ CHI TIẾT T.1(1/500)
ĐẤT Ở XEN KẼ TRONG KHU DÂN CƯ TẠI THÔN KIẾN NGAI, XÃ BÌNH AN



Bảng kê tọa độ góc ranh khu A

Điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
R1	1542751.144	574845.519	15.07
R2	1542753.605	574800.338	28.66
R3	1542720.231	574807.263	15.02
R4	1542723.882	574852.823	28.24
R1	1542751.144	574845.519	

Bảng kê tọa độ góc ranh khu B

Điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
R5	1542684.840	574809.105	8.00
R6	1542685.847	574815.024	8.00
R7	1542657.825	574818.953	28.30
R8	1542655.824	574813.025	8.00
R5	1542684.840	574809.105	28.30

Bảng kê tọa độ góc ranh

Điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
R9	1542656.774	574841.038	
R10	1542684.742	574871.605	30.97
R11	1542632.434	574878.346	32.86
R12	1542621.608	574884.184	15.29
R13	1542623.161	574881.257	16.91
R9	1542656.774	574841.038	37.15

BẢNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT		
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)
I	Loại A	388.59
2	Loại B	130.69
3	Loại C	129.50
II	Loại B	128.40
III	Loại C	169.80
IV	Loại D	1166.10
1	Loại A	266.40
2	Loại B	279.10
3	Loại C	320.20
4	Loại D	300.40
Tổng cộng (I+II+III)		1724.40

GHI CHÚ:

RẠNG GIỚI QUY HOẠCH

ĐẤT Ở QUY HOẠCH

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

SỐ TỰ TỰ LỘ

DIỆN TÍCH LỘ ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ Duyệt: UBND XÃ BÌNH AN

Ngày: 20/08/2008

CƠ QUAN PHÊ Duyệt: PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN

Ngày: 20/08/2008

Trưởng Thế Việt

Trưởng Thế Việt

Trưởng Thế Việt

Trưởng Thế Việt

Trưởng Thế Việt

Trưởng Thế Việt

Điểm	X(m)	Y(m)	Cant(m)
R1	1539770.068	582509.075	32.43
R2	1539765.204	582541.133	53.00
R3	1539712.804	582533.184	31.14
R4	1539717.472	582502.392	53.02
R1	1539770.068	582509.075	

Bảng kê tọa độ góc ranh

• BÀN ĐỒ THÀNH LẬP BẢNG PHƯƠNG PHÁP ĐO ĐẠC TRỰC TIẾP
 • HẸ TỌA ĐỘ - ĐO CAO VÀ 2000, MỐI CHIỀU 360°, HẸ SỐ KQ = 0.9999, KINH TUYẾN 108.15
 • CẤP BIA HÌNH KHUỖ SẮT: CẤP 2
 • TỌNG SỐ LỖ: 10 LỖ
 • TỌNG DIỆN TÍCH: 1.684.2m2
 • LOẠI ĐẤT: ĐẤT Ở MỘN THÔN
 • VỊ TRÍ: THỦA ĐẤT SỐ 296, 351, 352, 353, 354, 387, 388 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 83 XÃ BÌNH AN

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	CHI CHỮ
1	L0.1	165.40	
2	L0.2	166.00	
3	L0.3	166.70	
4	L0.4	167.40	
5	L0.5	168.10	
6	L0.6	168.80	
7	L0.7	169.40	
8	L0.8	170.10	
9	L0.9	170.80	
10	L0.10	171.50	
Tổng cộng (I+II+III)		1.684.20	
		10.10	

BẢNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT

CHỈ CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

DIỆN TÍCH (M2)

CHI CHỮ

10.10

1.684.20

Tổng cộng (I+II+III)

LOẠI ĐẤT

BẢNG KẾ SỬ DỤNG DẤT			
STT	LOẠI DẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	GHI CHÚ
1	Lô 1	115,10	02 lô
2	Lô 2	114,90	
Tổng cộng		230,00	

Eligm	X(m)	Y(m)	Canh(m)
R1	15415639.315	672556.247	13.40
R2	15415626.972	672554.011	16.20
R3	15415527.522	672537.886	14.00
R4	15415415.522	672537.888	17.50
R1	15415639.315	672556.247	

Bảng kê tòa đồ gốc rành

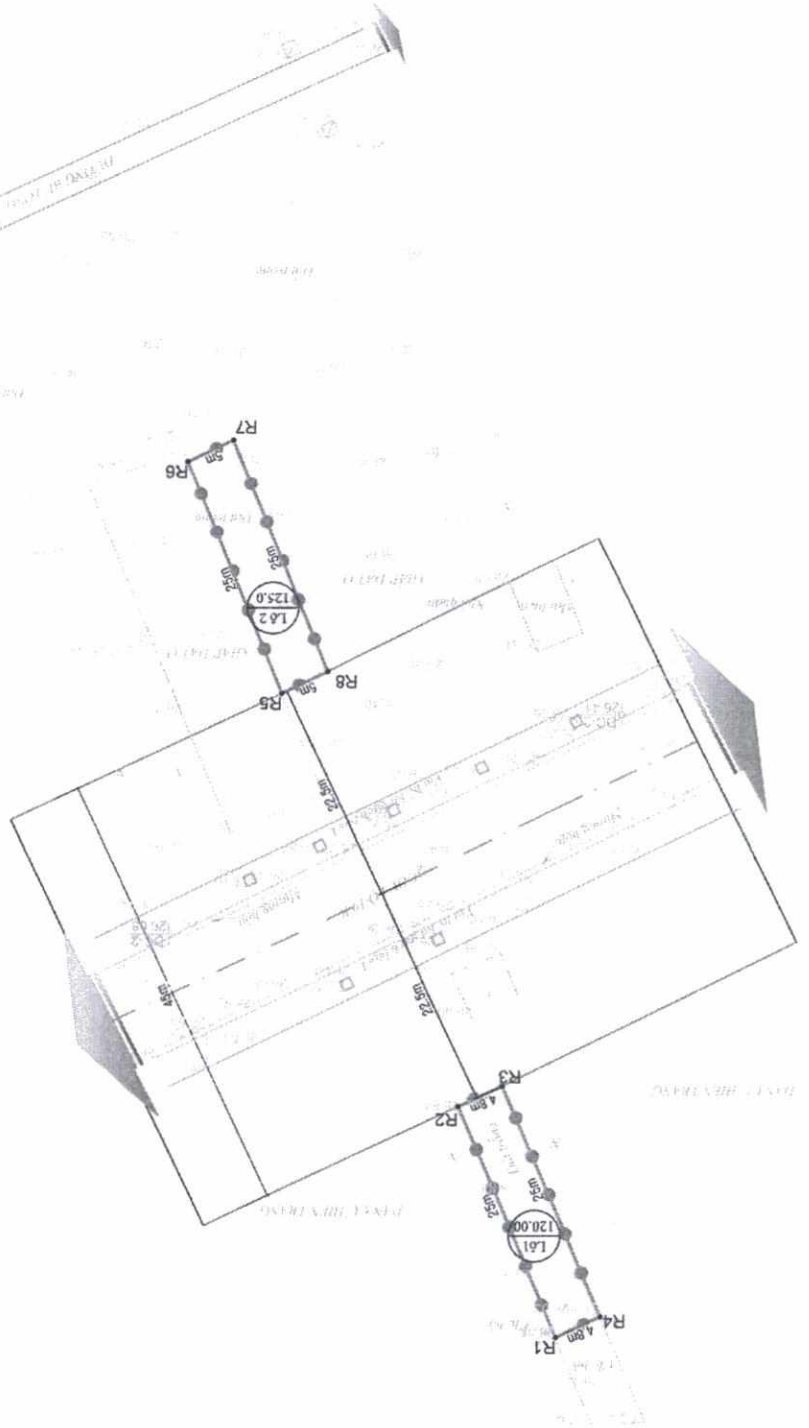


BẢN VẼ PHẦN LỎ: TL(1/500)
ĐẤT Ồ XEN KẼ TRONG KHU DẪN THẢI VẠN CÔNG, THÔN KIẾN LONG, XÃ BÌNH AN

[illegible]

PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
ĐÃ KIỂM TRA
Ngày.....tháng.....năm.....

BẢNG KẾ SỬ DỤNG DẤT			
STT	LOẠI DẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	GHI CHÚ
1	Lô 1	120,00	02 lô
2	Lô 2	125,00	
Tổng cộng		245,00	



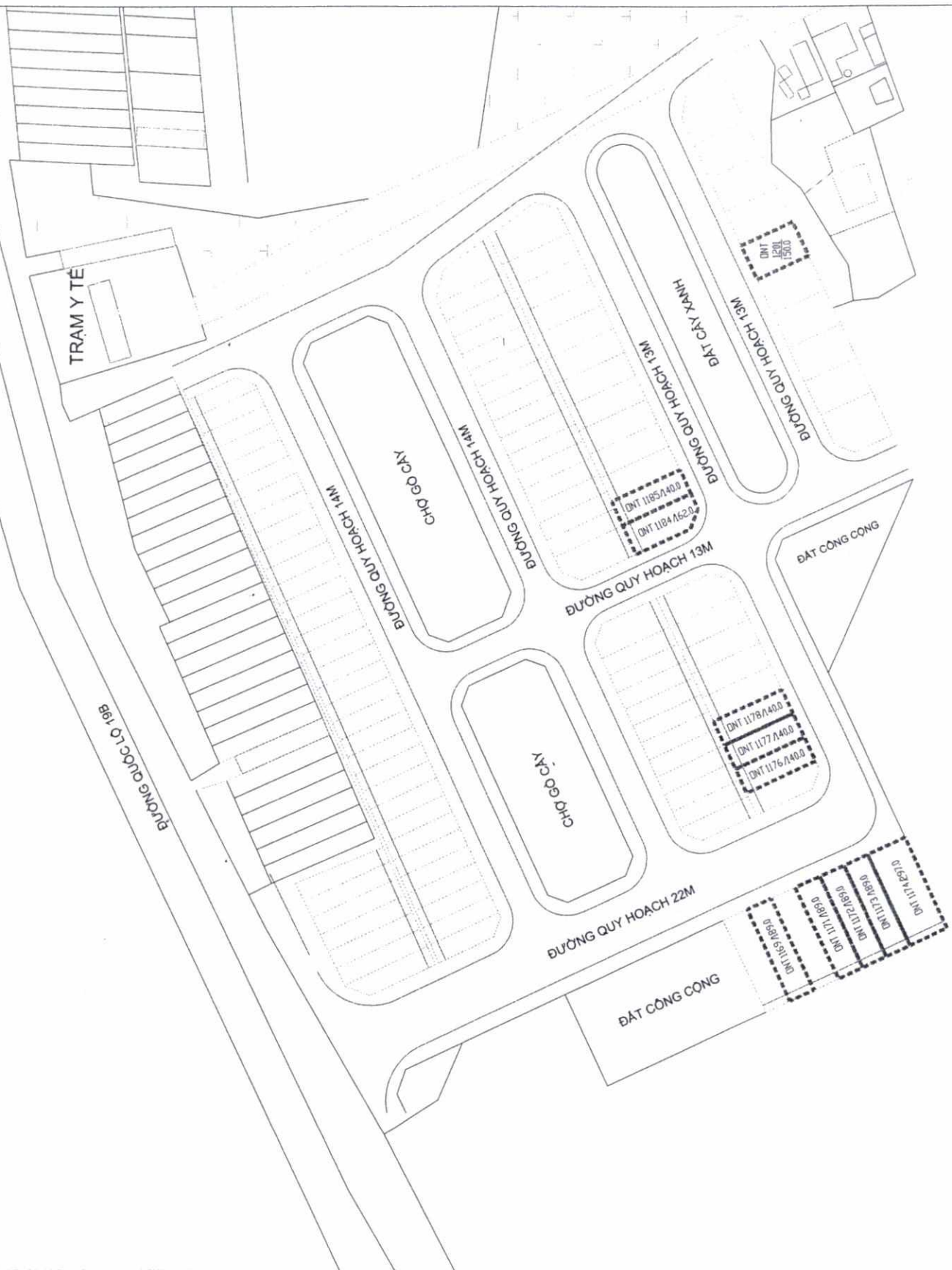
BẢN VẼ PHẪN LỘ: TL(1/500)

Bảng kê tọa độ góc ranh 1			
Điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
R1	1541234,200	573987,785	
R2	1541211,185	574007,594	25,02
R3	1541209,137	574003,249	4,80
R4	1541232,152	573993,440	25,02
R1	1541234,200	573987,785	4,80

PHÒNG KINH TẾ XÃ BÌNH AN
ĐÀ KIỂM TRA
Ngày tháng năm

[illegible][illegible]

VT CÁC NỀN ĐÁU GIÁ TẠI CDC BÌNH THÀNH



76

~~CHQ~~